

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/LĐ-ST
Ngày 30-11-2021
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Cử nhân luật;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 54/2021/TLST-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-LĐ ngày 08/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-LĐ ngày 06/8/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 54/2021/TB-TA ngày 15/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-LĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Xuân V, sinh năm 1971; địa chỉ: 202/7B Phạm Văn Hai, phường 5, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn:

+ Công ty TNHH P; địa chỉ: 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T2, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tôn Thanh Th, sinh năm 1971; địa chỉ: 5/4 Nguyễn Văn Lượng, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ: giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

+ Công ty TNHH P2; địa chỉ: Số 1191 Lê Đức Thọ, Phường 13, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Tôn Thanh Th, sinh năm 1971; địa chỉ: 5/4 Nguyễn Văn Lương, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh B, địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Dương Văn Tr, địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh B; chức vụ: Nhân viên; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 135 Phạm Văn Đồng, Phường 03, quận G, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Hải L; địa chỉ: Số 135 Phạm Văn Đồng, Phường 03, quận G, TP Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Trương Thành Ch, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 1, khu phố Khánh Lợi, phường T3, thị xã T4, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27 tháng 10 năm 2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lương Xuân V trình bày:

Anh V làm việc tại Công ty TNHH P2(gọi tắt là Công ty P2) từ ngày 27/5/2009. Giữa anh V và Công ty P2 có ký kết hợp đồng lao động trong đó anh còn giữ một bản hợp đồng lao động có số 01/2016/HĐLĐ ngày 01/01/2016, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo hợp đồng, anh V làm việc với chức danh tài xế, địa điểm làm việc: tại trụ sở chính và các chi nhánh do công ty thành lập, các nơi làm việc khác theo điều động của công ty. Mức lương chính hoặc tiền công: 3.945.000 đồng; hình thức trả lương: khoán; phụ cấp theo quy chế của công ty. Hàng tháng Công ty P2 đều trích lương của anh để tham gia bảo hiểm. Do thời gian đã lâu và quá trình làm việc có được tăng lương nên anh không nhớ rõ tiền lương hàng tháng cụ thể, anh thống nhất với mức tiền lương mà Công ty tham gia bảo hiểm cho anh tại Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp. Công ty đã đóng bảo hiểm, xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm ngày 10/3/2021 (xác nhận đến ngày đã đóng đủ tiền là tháng 11/2016). Từ tháng 12/2016 đến tháng 01/2018 anh vẫn làm việc tại Công ty P2, tuy nhiên đến nay Công ty không đóng bảo hiểm và không xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm cho anh.

Sau đó anh được Công ty TNHH P2thông báo từ ngày 01/02/2018 anh sẽ làm cho Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P2), giữa anh và Công ty P2 có ký

hợp đồng không xác định thời hạn, tuy nhiên công ty không giao hợp đồng cho anh.

Đến khoảng tháng 7/2019 anh nộp đơn xin nghỉ việc và công ty chấp nhận. Ngày 03/9/2019 anh chính thức nghỉ việc tại công ty. Anh nhiều lần liên hệ công ty để chốt sổ bảo hiểm xã hội nhưng công ty không thực hiện. Quá trình lao động tại Công ty TNHH P từ tháng 02/2018 đến tháng 4/2019 anh đã cung cấp Bảng kê chi tiết lương cho Tòa án. Về mức lương tham gia bảo hiểm thể hiện trên Bảng kê là 4.931.000 đồng. Anh nhớ trên thực tế có một số tháng Công ty không trừ tiền bảo hiểm của anh (được hưởng nguyên lương), một số tháng vẫn trừ bảo hiểm bình thường, theo như bảng kê chi tiết lương.

Quá trình làm việc cho Công ty TNHH P2, Công ty TNHH P, anh V đều trực tiếp làm việc tại địa chỉ: 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T2, thành phố D, tỉnh B.

Nay anh V yêu cầu Công ty TNHH P2 xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho anh từ tháng 12/2016 đến hết tháng 01/2018; Yêu cầu Công ty TNHH P tham gia bảo hiểm, đóng bảo hiểm cho anh từ tháng 02/2018 đến tháng 4/2019 theo quy định với mức lương 4.931.000 đồng như các phiếu lương mà anh cung cấp.

Các bị đơn Công ty TNHH P2 và Công ty TNHH P: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho các bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại bản tự khai ngày 10/12/2020, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D là anh Dương Văn Tr trình bày:

Chi nhánh Công ty TNHH P2 bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) từ tháng 03/2011, tính đến tháng 9/2020 Chi nhánh Công ty TNHH P2 còn nợ số tiền 4.181.479.752 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 5/2016. Chi nhánh Công ty TNHH P2 tham gia BHXH cho anh V tại BHXH thành phố Dĩ An với số sổ 7411033296 từ tháng 02/2011 đến tháng 06/2011 (đã chốt sổ bảo lưu). Về yêu cầu chốt sổ bảo hiểm xã hội của anh V tại Công ty TNHH P2 thì BHXH thành phố Dĩ An không có ý kiến.

Công ty TNHH P bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) từ tháng 02/2018. Tính đến tháng 9/2020 Công ty P2 còn nợ số tiền 3.421.267.453 đồng, đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến hết tháng 02/2018. Công ty P2 không tham gia bảo hiểm xã

hội cho anh V tại Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh V, BHXH thành phố Dĩ An đề nghị Công ty TNHH P và anh V rà soát, đối chiếu về việc giao kết hợp đồng lao động. Nếu có, đề nghị Công ty TNHH P tham gia BHXH cho anh V theo đúng quy định, thanh toán số tiền còn nợ BHXH, BHYT, BHTN tính riêng của anh V cho cơ quan BHXH thành phố Dĩ An và làm hồ sơ để chốt sổ, trả sổ cho anh V theo đúng quy định.

Tại Công văn số 461/CV-BHXH ngày 20/5/2021, Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp trình bày:

Căn cứ hồ sơ do Công ty TNHH P đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho anh Lương Xuân V (số sổ 7411033296), quá trình tham gia như sau:

Từ tháng 02/2011-9/2011, mức lương: 1.445.000 đồng.

Từ tháng 10/2011-12/2012, mức lương: 2.200.000 đồng.

Từ tháng 01/2013-02/2013, mức lương: 2.515.000 đồng.

Từ tháng 03/2013-03/2014, mức lương: 2.938.000 đồng.

Từ tháng 4/2014-12/2014, mức lương: 3.033.000 đồng.

Từ tháng 01/2015-12/2015, mức lương: 3.317.000 đồng.

Từ tháng 01/2016-12/2016, mức lương: 3.945.000 đồng.

Từ tháng 01/2017-01/2018, mức lương: 4.645.000 đồng.

Từ tháng 02/2018 Công ty TNHH P đã lập thủ tục báo giảm nghỉ việc cho anh V. Công ty TNHH P đã đóng BHXH hết tháng 11/2016 cho anh V, từ tháng 12/2016-01/2018 Công ty chưa đóng cho người lao động.

Anh V đã được BHXH quận G xác nhận sổ ngày 10/3/2021 (xác nhận đến thời gian đã đóng đủ tiền là tháng 11/2016).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và các đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào quan hệ lao động giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp lao động, cụ thể là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Bị đơn Công ty TNHH P có trụ sở tại 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T2, thành phố D, tỉnh B; đối với bị đơn Công ty TNHH P2 thì nguyên đơn lựa chọn Tòa án giải quyết nơi tổ chức có chi nhánh, đồng thời nơi nguyên đơn làm việc tại số 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T2, thành phố D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm b, đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Các bị đơn Công ty TNHH P2 và Công ty TNHH P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Dĩ An có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Xuân V về việc buộc Công ty TNHH P2 xác nhận thời gian đóng BHXH từ tháng 12/2016 đến tháng 01/2018: Nguyên đơn trình bày có phát sinh quan hệ lao động với Công ty TNHH P2 từ năm 2009 đến tháng 01/2018. Quá trình làm việc, nguyên đơn được bị đơn tham gia bảo hiểm xã hội và hàng tháng bị đơn vẫn trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội, trừ một số tháng nguyên đơn vẫn được hưởng nguyên lương. Trình bày của nguyên đơn phù hợp với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Dĩ An, Bảo hiểm xã hội quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Việc đóng bảo hiểm xã hội là trách nhiệm song song của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Từ tháng 02/2011 đến hết tháng 6/2011, Công ty TNHH P2 (chi nhánh Dĩ An) có tham gia BHXH cho anh V tại BHXH thành phố Dĩ An và từ tháng 02/2011 đến hết tháng 01/2018, Công ty TNHH P2 tham gia BHXH cho anh V tại BHXH quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tuy nhiên từ tháng 12/2016 đến tháng 01/2018 Công ty TNHH P2 không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động vào quỹ bảo hiểm là vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng lao động. Căn cứ các phiếu lương do nguyên đơn cung cấp và hồ sơ tham gia BHXH tại BHXH quận G thể hiện từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2018 mức lương của nguyên đơn là 4.645.000 đồng, tuy nhiên chỉ có từ tháng 01 đến tháng 04/2017 Công ty trích lương của người lao động tương đương phần trăm đóng bảo hiểm; từ tháng 05/2017 đến tháng 01/2018 người lao động hưởng nguyên lương. Do đó cần buộc Công ty TNHH P2 và người lao động thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội như sau:

Công ty TNHH P2 có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động (bao gồm phần trăm của người lao động và người sử dụng lao động) từ tháng 01/2017- tháng 4/2017, mức lương 4.645.000 đồng.

Công ty TNHH P2 và người lao động cùng có trách nhiệm đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội theo phần trăm quy định trong khoảng thời gian: tháng 12/2016, mức lương 3.945.000 đồng; từ tháng 05/2017 đến tháng 01/2018, mức lương 4.645.000 đồng.

Công ty TNHH P2 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan BHXH để lập hồ sơ xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho anh V từ tháng 12/2016 đến tháng 01/2018.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh V về việc buộc Công ty TNHH P tham gia bảo hiểm, đóng bảo hiểm và xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 02/2018 đến tháng 4/2019 với mức lương 4.931.000 đồng: Anh V trình bày có ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH P tại địa điểm: 53/3 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố T, phường T2, thành phố D, tỉnh B, mức lương tham gia BHXH là 4.931.000 đồng. Do anh là người lao động, mặc dù đã ký kết hợp đồng lao động với công ty nhưng không được Công ty giao hợp đồng lao động nên không thể cung cấp cho Tòa án. Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

“b) Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ vì lý do tài liệu, chứng cứ đó đang do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ đó cho Tòa án.

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ là các bản hợp đồng lao động ký kết với nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp, đồng thời không cung cấp ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, lời khai của nguyên đơn phù hợp một phần với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các bản phiếu lương của Công ty TNHH P từ tháng 02/2018-3/2019 và lời khai của người làm chứng anh Trương Thành Ch. Đối với khoảng thời gian làm việc tại Công ty vào tháng 4/2019 anh V không cung cấp được phiếu lương hoặc chứng cứ nào khác để chứng minh. Như vậy có căn cứ xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có quan hệ lao động với nhau từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2019 trên cơ sở hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên có giá trị và hiệu lực thi hành. Hàng tháng Công ty TNHH P2 có trách nhiệm đóng vào quỹ BHXH theo quy định của pháp luật lao động. Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại BHXH thành phố Dĩ An thể hiện Công ty TNHH P không tham BHXH cho anh Lương Xuân V tại BHXH thành phố Dĩ An. Như vậy Công ty TNHH P đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2, khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ tham gia BHXH, đóng và xác nhận thời gian đóng BHXH cho anh V là phù hợp quy định của pháp luật.

Căn cứ lời thừa nhận của nguyên đơn và phiếu lương do nguyên đơn cung cấp thể hiện từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2019 mức lương của anh V tại Công ty TNHH P là 4.931.000 đồng/tháng. Công ty chỉ trích lương của anh tương ứng phần trăm đóng BHXH của các tháng 3,4/2018. Những tháng còn lại anh V được hưởng nguyên lương. Như vậy, cần buộc Công ty TNHH P và người lao động thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội như sau:

Công ty TNHH P có trách nhiệm tham gia, đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động (bao gồm phần trăm của người lao động và người sử dụng lao động) từ tháng 03/2018 đến tháng 4/2018, mức lương 4.931.000 đồng.

Công ty TNHH P và người lao động cùng có trách nhiệm đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội theo phần trăm quy định trong khoảng thời gian tháng 02/2018 và từ tháng 05/2018 đến tháng 03/2019.

Công ty TNHH P có trách nhiệm phối hợp với cơ quan BHXH để lập hồ sơ xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho anh V từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2019 theo quy định.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu xác nhận thời gian đóng bảo hiểm của tháng 4/2019 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Lương Xuân V được miễn án phí. Bị đơn Công ty TNHH P và Công ty TNHH P phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 91, 144, 147, 235, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; căn cứ Điều 19 và Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Xuân V đối với bị đơn Công ty TNHH P và bị đơn Công ty TNHH P về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”:

1.1. Buộc Công ty TNHH P và anh Lương Xuân V phải đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2016 đến tháng 01/2018, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH P phải đóng bảo hiểm xã hội cho anh Lương Xuân V từ tháng 01/2017 đến tháng 4/2017, mức lương làm căn cứ đóng là 4.645.000 đồng.

- Công ty TNHH P và anh Lương Xuân V cùng có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho anh Lương Xuân V theo phần trăm quy định trong các giai đoạn: tháng 12/2016, mức lương làm căn cứ đóng là 3.945.000 đồng; từ tháng 05/2017 đến tháng 01/2018, mức lương làm căn cứ đóng là 4.645.000 đồng.

- Công ty TNHH P2 có trách nhiệm lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của anh Lương Xuân V từ tháng 12/2016 đến tháng 01/2018.

1.2. Buộc Công ty TNHH P và anh Lương Xuân V phải tham gia bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2019, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH P phải tham gia bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội cho anh Lương Xuân V từ tháng 03/2018 đến tháng 4/2018, mức lương làm căn cứ đóng là 4.931.000 đồng.

- Công ty TNHH P2 và anh Lương Xuân V cùng có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho anh Lương Xuân V theo phần trăm quy định trong các giai đoạn: tháng 02/2018, từ tháng 05/2018 đến tháng 3/2019, mức lương làm căn cứ đóng là 4.931.000 đồng.

- Công ty TNHH P có trách nhiệm lập hồ sơ xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của anh Lương Xuân V từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2019.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lương Xuân V về việc buộc bị đơn Công ty TNHH P xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của tháng 4/2019.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Anh Lương Xuân V được miễn.

- Công ty TNHH P2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Công ty TNHH P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP Dĩ An;
- Dương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân

